

Số: 261/2026/QĐST-HNGĐ

Phú Thọ, ngày 17 tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ**

Căn cứ khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 450/2026/TLST- VDS ngày 09 tháng 9 năm 2026, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Lê Thị T, sinh năm 1993; số CCCD: 02619300289xx; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh P.

2. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1990; số CCCD: 0260900056xx; địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh P.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh V (nay là xã T, tỉnh P) vào ngày 22 tháng 12 năm 2022. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, tuy nhiên được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Sau đó vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2026 đến nay. Nay chị T và anh N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị T, anh N đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Hà M, sinh ngày 18/9/2023. Hiện nay cháu My đang ở cùng chị T. Ly hôn chị T, anh N thỏa thuận chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu M. Anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T là 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/01 tháng kể từ tháng 10 năm 2026 cho đến khi cháu My đủ 18 tuổi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản: Chị T, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Chị T, anh N thỏa thuận mỗi người nộp 150.000 đồng lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

[5] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên

bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn N thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Chị Lê Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Hà M, sinh ngày 18/9/2023. Anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T là 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/01 tháng kể từ tháng 10 năm 2026 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản: Chị T, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn N mỗi người nộp 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số: 0001974 ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị T, anh N đã nộp đủ tiền lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6 và 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 10 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Tam Hồng, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, VP.

#### **THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Hoàng Minh Tuấn**